

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 18 – 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Đường

Ông Đặng Quang Vọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh năm: 1995, tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: khu phố Phú M, phường T, thành phố Đ, tỉnh B; nơi ở hiện nay: khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh B; nghề nghiệp: (không); trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T1, sinh năm: 1949 (chết) và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1966; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Phan Thị Thùy L, sinh năm: 1998; tiền án: ngày 16/6/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (bản án số: 37/2013/HSST), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 33 tháng tù (bản án số: 53/2014/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2016; ngày 26/7/2018, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số: 176/2018/HSST); tiền sự: (không); nhân thân: ngày 27/5/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo (bản án số 37/2013/HSST); bị bắt tạm giam ngày 07/11/2019 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

Trần Trọng T, sinh năm: 1978; trú tại: khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Người làm chứng :

Anh Vũ Sơn L, sinh năm 1983; trú tại: khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

Anh Mai Văn S, sinh năm: 1990, trú tại: thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

Anh Lữ Mỹ M, sinh năm 1963; trú tại: khu phố 1, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 07/11/2019, Trần Ngọc T, đi bộ từ phòng trọ khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước, ra đường thì gặp bạn là Nguyễn Công H (Đ), H đã chở T đến khu phố 1, phường P, tại đây T đi xe ôm vào tìm người quen tại khu phố Long Điền, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Do không gặp được người quen nên T đi bộ từ hướng nhà thờ Long Điền ra đường ĐT 759 để về phòng trọ. Khi đi ngang qua cửa hàng hải sản tươi sống “Long Điền”, bị cáo nhìn thấy một xe Honda loại Wave Alpha màu xanh biển số 69 – K1 – 245.55, của anh Trần Trọng Trường đang dựng ở bên hông vừa hải sản, chìa khóa đang cắm trên ổ khóa, không có người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định chiếm đoạt T sản, bị cáo đã đi lại vị trí của xe, lùi xe ra hường đường ĐT để tẩu thoát thì bị anh Lữ Mỹ Minh phát hiện truy hô. Khi đó anh Trần Trọng Trường, anh Vũ Sơn Lâm và anh Mai Văn Sơn đang ngồi uống cà phê ở quán gần đó, cùng một số người dân đuổi theo và bắt bị cáo, giao cho Công an xử lý.

Vật chứng thu giữ: một xe Honda loại Wave Alpha màu xanh biển số 69 – K1 – 245.55; số máy JA 39E0438519; số khung 3902HY463373.

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/HĐ – ĐGTSTTHS ngày 14/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long, kết luận: giá trị của xe Honda loại Wave Alpha màu xanh biển số 69 – K1 – 245.55; số máy JA 39E0438519; số khung 3902HY463373 bị cáo chiếm đoạt tại thời điểm ngày 07/11/2019 là 15.300.000 đ (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 04/CTr – VKS ngày 10/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Trần Ngọc T tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Ngọc T tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (hình phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô Honda loại Wave Alpha màu xanh biển số 69 – K1 – 245.55; số máy JA 39E0438519; số khung 3902HY463373, Cơ quan công an đã xử lý đúng nên không đề cập xem xét.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố;

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Qua đó có cơ sở xác định: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 07/11/2019, tại khu phố Long Điền, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Trần Ngọc T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Trần Trọng T là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave Alpha, màu xanh biển số 69 – K1 – 245.55, có trị giá 15.300.000 đ (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Khi thực hiện hành vi bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015. Do ngày 16/6/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với bản án số 37/2013/HSST, buộc bị cáo chấp hành 33 tháng tù theo bản án số 53/2014/HSST, ngày 13/12/2016 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích thì ngày 20/3/2018 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên được xác định là “Tái phạm” (bản án số:176/2018/HSST ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 20/6/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích đến ngày 07/11/2019 lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về T sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, việc áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Trọng T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu về bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô Honda loại Wave Alpha màu xanh biển số 69 – K1 – 245.55; số máy JA 39E0438519; số khung 3902HY463373, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho T là đúng và T không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”
2. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự .
Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc T** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày **07/11/2019**.
Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung (Hình phạt tiền) cho bị cáo.
3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Buộc bị cáo **Trần Ngọc T** phải chịu 200.000 đồng (Hai hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh

